

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 15/4/2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 97/2021/TLST-KDTM ngày 08/11/2021;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A;**

Trụ sở: 170 HBT, Phường FFK, Quận x, TP. Hồ Chí Minh.

Do ông Nguyễn Năng T làm đại diện theo giấy ủy quyền số 233/UQ-TGD.21 ngày 24/6/2021 của Ông Nguyễn Mạnh Q – Phó Tổng giám đốc trên cơ sở giấy ủy quyền số 28/UQ-HĐQT.18 ngày 04/5/2018 của Ông Đào Mạnh Kh – Chủ tịch Hội đồng quản trị người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP A.

Bị đơn: **Công ty TNHH TT;**

Trụ sở: Cụm Công nghiệp & TTCN TT, xã TT, huyện CM, thành phố Hà Nội.

Do ông TT làm đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 19/11/2021 của bà Phạm Thị L – Chủ tịch hội đồng quản trị người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TT.

Người có quyền lợi **Bà Dương Thị H sinh năm 1956, Ông Lê Quý T sinh năm 1956;**

nghĩa vụ liên quan: **HKTT: số 24 ngõ 109 đê TKT, tổ 63 phường TL, quận HBT, thành phố Hà Nội;**

Do Ông TT làm đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 16/12/2021 tại Văn phòng công chứng NM số công chứng 1885 quyền số 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH TT công nhận còn nợ Ngân hàng TMCP A theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng (trung & dài hạn) số 1042.13/TD/XVIII ngày 23/10/2013 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 693/14/TD-TT/XVIII ký ngày 13/9/2014 gồm: Nợ gốc: 1.894.921.372 đồng; Nợ lãi trong hạn: 260.639.433 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.042.074.200 đồng (Số nợ lãi tính đến ngày 15/4/2022); **Tổng cộng: 4.197.635.005 đồng;**

2.2. Công ty TNHH TT cam kết thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng (trung & dài hạn) số 1042.13/TD/XVIII ngày 23/10/2013 và

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 693/14/TD-TT/XVIII ký ngày 13/9/2014 số tiền : 2.300.000.000 đồng (số tiền nợ gốc: 1.894.921.372 đồng; Nợ lãi: 405.078.628 đồng) hạn cuối cùng là ngày 22/6/2022.

2.3. Trong trường hợp Công ty TNHH TT hoặc Bà Dương Thị H sinh năm 1956 và Ông Lê Quý T sinh năm 1956 thanh toán 2.300.000.000 đồng, thì Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp và trả lại bản gốc: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193733, hồ sơ gốc số 440.2004.119.2004.QĐUB do UBND quận HBT, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2004 cho bà Dương Thị H và ông Lê Quý T. Bản gốc Giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM654793 do Ủy ban nhân dân tỉnh HT cấp ngày 19/6/2008 cho Công ty TNHH TT.

2.4. Trong trường hợp Công ty TNHH TT vi phạm thời hạn thanh toán nêu trên, thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền T hành phát mại xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi số tiền 4.197.635.005 đồng:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155a (01 phần), tờ bản đồ số 6I-IV-07, diện tích 53,8m², tại số 24, tổ 16B, phường TL, quận HBT, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107193733, hồ sơ gốc số 440.2004.119.2004.QĐUB do UBND quận HBT, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/11/2004 cho bà Dương Thị H và ông Lê Quý T;

Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai: Là nhà máy sản xuất than hoạt tính tọa lạc tại Điểm công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp TT, xã TT, huyện CM, thành phố Hà Nội. Tên công trình: Nhà máy sản xuất than hoạt tính. Bao gồm: Khung nhà BTCT, nhà khung thép, nhà gạch xây và các công trình phụ trợ.

Theo thiết kế có ký hiệu: MB tổng thể (TT01) + MB vị trí (VT01) + MB định vị (ĐV01) + MBTT cấp điện (DTT01-DTT03) + MBTT cấp thoát nước (NTT-00) + nhà điều hành 03 tầng ((KT01-KT09; Mo 01-Mo 05) + nhà xưởng A (KT01-KT04; KC01-KC04) + xưởng B (KT05-KT07; KC01-KC03) + xưởng C (KT08-KT11; KC01-KC04) + nhà bảo vệ (KT01-KT02; KC01) + nhà vệ sinh công cộng (KT03-KT05; KC05) + nhà để xe (KT06; KC04) + Cổng, hàng rào (KT08) + Trạm biến áp (KT07; KH08).

Do Công ty CP BV lập: 03/2009.

Gồm các hạng mục sau đây: Nhà điều hành, xưởng A, xưởng B, xưởng C, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nhà để xe, trạm biến áp, cổng, hàng rào, cấp điện, cấp thoát nước.

Vị trí xây dựng: Trên lô đất có diện tích: 12.389,8m², hiện nay Công ty TNHH TT được thuê sử dụng. Trong đó phần để làm đường 3.475m². Phần đất được phép xây dựng: 8.914,8m² tại Điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp khu ĐN, xã TT, huyện CM, thành phố Hà Nội.

Cốt nền xây dựng công trình: Cao độ nền: +(0,2 -;- 0,5) so với cốt sân bãi của thửa đất được thuê sử dụng.

Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Được phép xây dựng các công trình trong khuôn viên đất theo đúng Trích đo địa chính khu đất đã được Sở Tài nguyên & môi trường tỉnh Hà Tây xác lập ngày 16/7/2007, ngoài hành lang bảo vệ tuyến cáp ngầm, ngoài chỉ giới mở đường gom Điểm CN-TTCN ĐN-xã TT, huyện CM, thành phố Hà Nội, trong khuôn viên đất Công ty TNHH TT được thuê sử dụng hợp pháp.

Số tầng (01-03); chiều cao công trình: (2,5-;-12m).

Diện tích sàn: 09 hạng mục: 3.691m².

Diện tích xây dựng: 09 hạng mục: 3.211m².

Các tài sản được xây dựng trên diện tích đất mà Công ty TNHH TT thuê của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM654793 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây cấp ngày 19/6/2008 cho Công ty TNHH TT.

2.5. Về án phí: Công ty TNHH TT chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.200.000 đồng (Năm mươi tám triệu, hai trăm nghìn đồng); Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0067560 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKS nhân dân quận Ba Đình;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Trung